

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Tính.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hoàng D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 23, ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp P, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Hoàng D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT A, hôn nhân do tự tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi sinh con vào cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T ăn chơi cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, vợ chồng xuyên cãi nhau và không còn sống chung từ tháng 8/2020 cho

đến nay. Cha mẹ hai bên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm cho vợ chồng. Nay tình cảm không còn, chị D yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về việc nuôi con: Có một con chung tên Trịnh Tú A, sinh ngày 07/4/2016, hiện đang sống chung với chị D, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tân cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hoàng D với anh Trịnh Văn T. Về việc nuôi con: Giao cháu Trịnh Tú A, sinh ngày 07/4/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tân không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Bị đơn anh Trịnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hoàng D và anh Trịnh Văn T là hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận A, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hoàng D là có căn cứ, vì: chị D, anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, do anh T không chăm lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị D, không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm. Gia đình người lớn hai bên cũng không gặp nhau để hàn gắn cho anh chị. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hiện nay, chị D, anh T đã không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm của anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hoàng D với anh Trịnh Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Có một con chung tên Trịnh Tú A, sinh ngày 07/4/2016, hiện đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị D, anh T ly thân cho đến nay, cháu A sống chung với chị D được chăm sóc đầy đủ, cháu A còn nhỏ cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ trong việc ăn uống, sinh hoạt. Về điều kiện nuôi con, chị D có làm vườn trái cây và chăn nuôi, thu nhập ổn định, đủ để đảm bảo đời sống của chị và cháu A Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống, không làm ảnh hưởng đến tâm lý cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nhưng chị tự nguyện không yêu cầu anh Tân cấp dưỡng nuôi con, nên anh Tân không phải cấp dưỡng.

[7] Về chia tài sản chung: Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T chưa có yêu cầu về tài sản, Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tân chưa có ý kiến về nợ chung, Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[9] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn Lê Thị Hoàng D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0013116 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn anh Trịnh Văn T không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hoàng D. Cho chị Lê Thị Hoàng D ly hôn với anh Trịnh Văn T.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Trịnh Tú A, sinh ngày 07/4/2016 cho chị Lê Thị Hoàng D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Hoàng D tự nguyện không yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hoàng D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0013116 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 12 năm 2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thị Trang

